



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu -
Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 22 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lee Chio Lim Larry	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
Bà Lim Pei Chi Patsy	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Bà Teoh Kim Wei	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

Người đại diện theo Pháp luật

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 71 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 71.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00493-25-2



Triệu Tích Quyên
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		25.066.732.804.106	26.553.405.591.714
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	4.477.501.667.326	5.039.908.030.600
Tiền	111		1.337.761.330.143	1.423.048.778.559
Các khoản tương đương tiền	112		3.139.740.337.183	3.616.859.252.041
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.566.239.177.101	17.741.052.417.665
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	7(a)	16.566.239.177.101	17.741.052.417.665
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.818.472.380.110	1.229.401.278.553
Phải thu của khách hàng	131	8	433.141.431.799	467.366.764.227
Trả trước cho người bán	132		48.390.695.221	33.281.517.536
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	1.646.477.947.637	1.024.557.397.376
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10(a)	(309.537.694.547)	(295.804.400.586)
Hàng tồn kho	140	11(a)	1.978.543.927.286	2.317.504.988.808
Hàng tồn kho	141		2.042.852.750.470	2.393.084.700.363
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(64.308.823.184)	(75.579.711.555)
Tài sản ngắn hạn khác	150		225.975.652.283	225.538.876.088
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	145.660.411.600	172.231.752.858
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		72.112.190.350	39.069.181.550
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	8.203.050.333	14.237.941.680

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 +260)	200		8.372.673.560.545	7.503.219.247.991
Các khoản phải thu dài hạn	210		33.965.243.693	34.701.581.051
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		5.948.610.516	5.948.610.516
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	34.416.343.693	35.152.681.051
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10(b)	(6.399.710.516)	(6.399.710.516)
Tài sản cố định	220		3.593.253.846.771	3.969.724.119.615
Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.484.109.823.637	2.889.608.860.338
Nguyên giá	222		11.567.831.953.084	11.488.317.326.965
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.083.722.129.447)	(8.598.708.466.627)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	151.786.364.599	157.031.248.423
Nguyên giá	225		173.582.726.065	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(21.796.361.466)	(16.551.477.642)
Tài sản cố định vô hình	227	15	957.357.658.535	923.084.010.854
Nguyên giá	228		1.173.833.999.845	1.114.711.740.504
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.476.341.310)	(191.627.729.650)
Bất động sản đầu tư	230	16	268.304.664.076	279.064.752.080
Nguyên giá	231		311.715.130.165	311.098.622.085
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(43.410.466.089)	(32.033.870.005)
Tài sản dở dang dài hạn	240		122.014.021.082	143.919.308.285
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	122.014.021.082	143.919.308.285
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.672.561.077.153	2.287.392.366.503
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	7(c)	2.304.838.560.802	2.230.183.930.616
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7(c)	410.929.271.916	434.314.271.916
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(378.706.755.565)	(416.325.836.029)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	255	7(b)	1.335.500.000.000	39.220.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		682.574.707.770	788.417.120.457
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	455.034.726.932	550.304.398.466
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	198.506.939.397	206.419.744.522
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	29.033.041.441	31.692.977.469
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		33.439.406.364.651	34.056.624.839.705

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.002.313.181.979	8.571.466.944.838
Nợ ngắn hạn	310		8.657.140.531.800	8.224.608.450.196
Phải trả người bán	311	19	2.642.248.117.160	2.476.372.806.838
Người mua trả tiền trước	312		94.511.172.026	44.800.935.324
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	1.320.861.485.986	1.358.515.637.834
Phải trả người lao động	314		128.685.159.625	235.426.444.878
Chi phí phải trả	315	21	515.857.469.477	486.177.414.768
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		228.181.821	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	3.509.694.004.122	2.898.696.098.647
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	245.383.983.749	530.129.396.183
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		251.473.420	119.220.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	199.419.484.414	194.370.495.724
Nợ dài hạn	330		345.172.650.179	346.858.494.642
Phải trả người bán dài hạn	331		100.000.000	100.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	57.113.360.289	55.725.069.062
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	169.444.430.406	170.828.414.155
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	49.208.021.314	50.792.760.595
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	69.306.838.170	69.412.250.830

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		24.437.093.182.672	25.485.157.894.867
Vốn chủ sở hữu	410	26	24.437.093.182.672	25.485.157.894.867
Vốn cổ phần	411	27	12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.208.666.226	3.208.666.226
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ	417		53.776.366.426	43.954.201.299
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	1.181.709.861.073	1.122.241.373.127
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.217.801.321.446	10.217.284.050.181
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.021.305.707.207	6.222.786.077.389
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.196.495.614.239	3.994.497.972.792
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.154.973.247.501	1.272.845.884.034
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		33.439.406.364.651	34.056.624.839.705

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:




Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	32.164.260.254.074	30.706.760.090.689
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	291.842.767.418	245.392.808.474
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	31	31.872.417.486.656	30.461.367.282.215
Giá vốn hàng bán	11	32	22.554.220.918.390	21.370.004.777.980
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		9.318.196.568.266	9.091.362.504.235
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	1.067.078.171.491	1.432.568.520.354
Chi phí tài chính	22	34	24.787.963.014	73.433.682.681
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.449.548.631</i>	<i>50.214.725.919</i>
Phần lãi trong công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	24	7(c)	197.444.756.654	232.053.894.657
Chi phí bán hàng	25	35	4.041.556.507.837	4.479.227.839.581
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	839.413.837.596	800.691.619.935
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		5.676.961.187.964	5.402.631.777.049
Thu nhập khác	31		28.313.181.138	17.484.692.469
Chi phí khác	32		57.915.740.936	49.706.065.223
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(29.602.559.798)	(32.221.372.754)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.647.358.628.166	5.370.410.404.295
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	1.146.257.135.410	1.099.082.811.973
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	6.328.065.844	16.274.596.613
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		4.494.773.426.912	4.255.052.995.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		4.494.773.426.912	4.255.052.995.709
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.330.113.031.371	4.117.605.068.688
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		164.660.395.541	137.447.927.021
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	3.291	3.134

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:





Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		5.647.358.628.166	5.370.410.404.295
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		548.883.626.755	570.032.022.357
Các khoản dự phòng	03		4.315.069.033	3.417.866.623
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		580.733.992	8.344.264.858
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(1.051.086.619.731)	(1.393.861.414.492)
Phần lãi trong công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	05		(197.444.756.654)	(232.053.894.657)
Chi phí lãi vay	06		27.449.548.631	50.214.725.919
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.980.056.230.192	4.376.503.974.903
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		13.722.096.167	(39.584.410.728)
Biến động hàng tồn kho	10		345.459.551.432	(135.490.197.099)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		208.910.758.673	(622.465.452.377)
Biến động chi phí trả trước	12		123.176.401.221	(146.695.187.651)
			5.671.325.037.685	3.432.268.727.048
Tiền lãi vay đã trả	14		(27.622.609.286)	(50.352.399.174)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.156.741.713.349)	(1.099.769.434.435)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(124.451.146.510)	(177.428.635.660)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.362.509.568.540	2.104.718.257.779

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(296.018.278.038)	(283.734.894.513)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	3.524.838.452	2.485.031.224
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(20.386.135.177.101)	(17.562.407.857.117)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	20.264.668.417.665	19.195.704.939.452
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong công ty con và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(954.279.098.706)	(164.654.149.300)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và phân phối lợi nhuận	27	1.387.123.683.050	1.363.536.248.562
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.884.385.322	2.550.929.318.308
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.934.074.426.368	4.130.545.304.850
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.218.974.426.368)	(4.461.477.622.999)
Tiền chi trả cổ tức	36	(4.658.550.227.964)	(3.354.092.726.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.943.450.227.964)	(3.685.025.044.212)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(562.056.274.102)	970.622.531.875
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5.039.908.030.600	4.069.464.160.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(350.089.172)	(178.661.917)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.477.501.667.326	5.039.908.030.600

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:

  

Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì; cung cấp dịch vụ kho bãi, hậu cần và vận tải; sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép, và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt; và xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 26 công ty con và 17 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (1/1/2024: 26 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát), chi tiết như sau:

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2024		1/1/2024	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
I	Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	84,46%	84,46%	70,55%	70,55%
2	Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	62,06%	62,06%	62,06%	62,06%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	66,56%	66,56%	66,56%	66,56%
4	Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh rượu	93,32%	93,47%	93,32%	93,47%
5	Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát có ga	55,90%	56,24%	55,90%	56,24%
6	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	54,73%	54,73%	54,73%	54,73%
7	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	68,78%	68,78%	68,78%	68,78%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	52,11%	52,11%	52,11%	52,11%
9	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
10	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
11	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	95,07%	95,07%	95,07%	95,07%
12	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	Bán buôn bia, đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn hóa chất khác, cồn; mua bán bao bì; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	94,47%	94,47%	94,45%	94,45%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô	91,24%	91,24%	91,24%	91,24%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2024		1/1/2024	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
14	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
15	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,14%	90,14%	90,14%	90,14%
16	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy	90,68%	90,68%	90,68%	90,68%
17	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
18	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
19	Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm; lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100%	100%	100%	100%
20	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng (**)	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	84,46%	100%	70,55%	100%
21	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa	90,45%	90,45%	90,45%	90,45%
22	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	100%	100%	100%	100%
23	Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Sản xuất và kinh doanh nắp khoén thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm	76,81%	76,81%	76,81%	76,81%
24	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
25	Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
26	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	52,91%	52,91%	52,91%	52,91%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2024		1/1/2024	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
II	Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Trường Sa	Sản xuất sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm	-	-	38,62%	38,98%
2	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam (**)	Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	30,84%	33,85%	30,84%	33,85%
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (**)	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (**)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	30,79%	34,92%	29,47%	34,92%
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (**)	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,80%	22,18%	21,80%	22,18%
7	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	32,40%	32,41%	32,40%	32,41%
8	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29,00%	29,00%	29,00%	29,00%
9	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (**)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	16,89%	20,00%	14,11%	20,00%
10	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
11	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
12	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
13	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh giao dịch mua sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Quy đổi báo cáo tài chính của công ty liên kết từ đơn vị tiền tệ kế toán sang đơn vị tiền tệ báo cáo

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty liên kết có đơn vị tiền tệ kế toán khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của công ty liên kết được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính bằng đơn vị tiền tệ khác VND của công ty liên kết được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 30 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 15 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 13 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 16 – 47 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 45 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 48 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được thuyết minh trong phần Chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tập đoàn được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm bán nước giải khát, cồn và rượu và các sản phẩm khác; và cung cấp dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác.

Trong năm, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tập đoàn. Thuyết minh 31 và Thuyết minh 32 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

5. Giao dịch với cổ đông không kiểm soát

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2024 và ngày 7 tháng 11 năm 2024, Tổng Công ty đã mua lần lượt 1.799.700 cổ phiếu và 217.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Miền Tây”), một công ty con sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty, từ các cổ đông hiện hữu khác. Sau các giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Miền Tây đã tăng từ 70,55% lên 84,46%.

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2023, Tổng Công ty đã mua 2.834.750 cổ phiếu của Miền Tây từ các cổ đông hiện hữu khác. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Miền Tây đã tăng từ 51,00% lên 70,55%.

Giao dịch với cổ đông không kiểm soát có ảnh hưởng như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	108.373.130.998	143.004.301.816
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(117.325.418.355)	(164.654.149.300)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 26)	(8.952.287.357)	(21.649.847.484)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.207.638.857	1.738.713.116
Tiền gửi ngân hàng	1.336.553.691.286	1.421.310.065.443
Các khoản tương đương tiền	3.139.740.337.183	3.616.859.252.041
	<hr/>	<hr/>
	4.477.501.667.326	5.039.908.030.600

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,60% đến 4,80% một năm (1/1/2024: từ 2,30% đến 4,00% một năm).

7. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,00% đến 5,80% một năm (1/1/2024: 3,90% đến 9,20% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,30% đến 5,90% một năm (1/1/2024: 4,90% một năm).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2024			1/1/2024		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (i)	2.304.838.560.802	(70.829.555.721)	2.234.009.005.081	2.230.183.930.616	(75.707.513.102)	2.154.476.417.514
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (ii)	410.929.271.916	(307.877.199.844)	103.052.072.072	434.314.271.916	(340.618.322.927)	93.695.948.989
	2.715.767.832.718	(378.706.755.565)	2.337.061.077.153	2.664.498.202.532	(416.325.836.029)	2.248.172.366.503

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	31/12/2024			1/1/2024		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Trường Sa	-	-	-	4.877.957.385	(*)	(4.877.957.381)
▪ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	329.653.546	(*)	-	329.653.546	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	64.591.723.954	41.975.224.200	-	67.293.680.882	46.363.600.800	-
▪ Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	6.863.792.917	(*)	-	6.863.792.917	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	95.654.536.078	(*)	-	94.249.459.836	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	345.174.627.629	345.149.557.133	-	412.814.261.765	335.588.389.429	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	193.847.703.264	415.928.809.000	-	192.997.567.729	357.892.231.000	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	36.621.395.335	15.834.218.400	-	37.280.572.663	19.788.568.800	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	46.078.173.106	(*)	-	45.606.308.837	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	(*)	-	-	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	48.383.739.373	(*)	-	47.812.472.419	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	27.296.370.024	(*)	-	25.693.485.751	(*)	-
Đầu tư vào các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát						
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	116.330.114.039	(*)	-	116.489.270.590	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	827.689.104.234	(*)	-	700.702.322.675	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	344.609.214.183	(*)	-	316.511.068.418	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	64.476.696.449	(*)	-	67.001.146.482	(*)	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	16.062.160.950	(*)	-	22.831.353.000	(*)	-
	2.304.838.560.802	(70.829.555.721)		2.230.183.930.616	(75.707.513.102)	



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.230.183.930.616	2.187.829.955.465
Lợi nhuận được chia trong năm	197.444.756.654	232.053.894.657
Thu nhập từ cổ tức trong năm	(127.734.334.210)	(196.517.747.758)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	9.822.165.127	6.817.828.252
Thanh lý trong năm	(4.877.957.385)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.304.838.560.802	2.230.183.930.616
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	31/12/2024			1/1/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	50.000.000.000	(*)	(3.152.549.322)	50.000.000.000	(*)	(4.643.345.605)
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	29.616.354.000	(21.858.786.000)	51.475.140.000	21.751.027.200	(29.724.112.800)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Không Gian Ngầm	-	-	-	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.538.160.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	8.068.340.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Cồn, Rượu Bình Tây - Việt Nam	-	-	-	300.000.000	(*)	(300.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)
	410.929.271.916		(307.877.199.844)	434.314.271.916		(340.618.322.927)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(iii) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	416.325.836.029	410.128.845.624
Dự phòng trích lập trong năm	-	6.196.990.405
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(14.234.080.464)	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(23.385.000.000)	-
	378.706.755.565	416.325.836.029
Số dư cuối năm	378.706.755.565	416.325.836.029

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	74.840.176.095	53.683.357.283
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	64.259.344.007	61.408.565.384
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	37.725.257.020	49.891.712.167
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.990.647.755	55.929.157.290
Các khách hàng khác	236.326.006.922	246.453.972.103
	433.141.431.799	467.366.764.227
	433.141.431.799	467.366.764.227

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	74.840.176.095	53.683.357.283
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	64.259.344.007	61.408.565.384
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	26.765.632.621	23.156.420.318
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.990.647.755	55.929.157.290
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	10.021.498.680	14.541.400.794
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	7.935.108.324	4.121.659.864
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.538.904.862	1.592.388.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	1.098.199.869	1.122.677.027
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	1.057.675.781	14.424.596.896
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	2.745.850	1.719.360
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	694.010.673
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	30.531.025.834	15.520.421.888
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD	28.175.127	48.535.322
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	-	592.810.727
F&N Global Marketing Pte. Ltd	-	126.919.035

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tạm ứng cho việc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (*) (Thuyết minh 42)	832.426.956.680	-
Phải thu lãi từ tiền gửi	362.174.835.584	580.854.072.162
Phải thu về cổ tức	131.734.062.246	119.965.992.576
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu khác	42.911.359.584	46.506.599.095
	1.646.477.947.637	1.024.557.397.376

(*) Khoản phải thu này phản ánh khoản tiền tạm ứng thanh toán được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, theo quy định của Luật Chứng khoán, cho việc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Công ty mẹ cấp trung gian</i>		
BeerCo Limited	-	49.197.000
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	64.200.000.000	64.200.000.000
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	44.242.171.746	43.802.647.026
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	14.502.340.500	512.007.664
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.789.550.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	106.143.272	388.815.441
Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	-	6.971.692.050
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	3.679.866.661
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	2.021.512.801
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	-	634.992.585
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	380.140.249
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	-	223.638.844
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	-	172.648.858
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	-	166.210.711

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	34.416.343.693	35.152.681.051

H
N
K
P

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

(a) Ngắn hạn

	31/12/2024		Giá trị có thể thu hồi VND	1/1/2024		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Phải thu của khách hàng	29.390.503.024	(18.948.573.301)	10.441.929.723	5.159.343.940	(5.159.343.940)	-
Trả trước cho người bán	6.160.777.105	(6.160.777.105)	-	6.216.712.505	(6.216.712.505)	-
Phải thu ngắn hạn khác	284.428.344.141	(284.428.344.141)	-	284.428.344.141	(284.428.344.141)	-
	319.979.624.270	(309.537.694.547)	10.441.929.723	295.804.400.586	(295.804.400.586)	-

(b) Dài hạn

	31/12/2024		Giá trị có thể thu hồi VND	1/1/2024		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Phải thu dài hạn của khách hàng	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-
Phải thu dài hạn khác	451.100.000	(451.100.000)	-	451.100.000	(451.100.000)	-
	6.399.710.516	(6.399.710.516)	-	6.399.710.516	(6.399.710.516)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	302.204.111.102	310.015.938.179
Dự phòng trích lập trong năm	14.553.948.402	580.635.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(820.654.441)	(8.392.462.077)
	315.937.405.063	302.204.111.102

11. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	79.171.800.633	-	199.108.408.976	-
Nguyên vật liệu	831.430.914.145	(17.343.164.728)	1.013.795.593.509	(17.509.240.895)
Công cụ và dụng cụ	216.766.319.002	(42.295.803.077)	211.486.826.724	(52.464.325.082)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	236.337.521.882	-	234.557.963.220	-
Thành phẩm	675.223.359.351	(4.669.855.379)	719.643.645.770	(4.718.641.940)
Hàng hóa	3.922.835.457	-	14.492.262.164	(887.503.638)
	2.042.852.750.470	(64.308.823.184)	2.393.084.700.363	(75.579.711.555)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 64.309 triệu VND (1/1/2024: 75.580 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	75.579.711.555	78.973.394.478
Dự phòng trích lập trong năm	9.883.021.990	11.453.883.862
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(16.496.265.009)	(10.650.693.235)
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.619.441.131)	(2.291.181.878)
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(38.204.221)	(1.905.691.672)
Số dư cuối năm	64.308.823.184	75.579.711.555

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	90.437.563.662	(61.404.522.221)	90.682.803.729	(58.989.826.260)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	58.989.826.260	55.483.500.463
Dự phòng trích lập trong năm	9.663.778.939	8.293.913.089
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(6.889.089.802)	(6.693.278.964)
Dự phòng sử dụng trong năm	(398.197.397)	-
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	38.204.221	1.905.691.672
Số dư cuối năm	61.404.522.221	58.989.826.260



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí bằng hiệu quảng cáo	108.092.273.038	142.932.694.839
Công cụ và dụng cụ	17.697.706.802	13.843.638.728
Chi phí thuê	9.990.854.572	10.839.896.618
Chi phí khác	9.879.577.188	4.615.522.673
	145.660.411.600	172.231.752.858

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí đất trả trước	221.644.660.044	229.209.631.772
Bao bì luân chuyển	115.437.223.464	192.507.450.988
Quyền sử dụng đất chờ bàn giao (*)	51.602.316.000	51.602.316.000
Công cụ và dụng cụ	34.914.548.519	29.033.969.285
Chi phí trả trước khác	31.435.978.905	47.951.030.421
	455.034.726.932	550.304.398.466

(*) Quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 22(b)).

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	550.304.398.466	383.451.267.863
Tăng trong năm	52.320.422.946	280.065.224.269
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	16.200.420.482	8.949.693.943
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	17.970.342	3.143.514.936
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước ngắn hạn	(325.595.273)	2.179.484.641
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(13.630.026.319)	-
Phân bổ trong năm	(149.852.863.712)	(127.484.787.186)
	455.034.726.932	550.304.398.466

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.209.357.225.901	8.856.963.445.539	236.144.823.399	175.879.050.485	9.972.781.641	11.488.317.326.965
Tăng trong năm	2.845.000.000	16.210.191.923	1.643.425.200	4.173.328.909	-	24.871.946.032
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	26.800.455.705	45.577.024.987	-	5.383.784.438	-	77.761.265.130
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	200.880.000	(133.102.560)	-	(188.350.000)	-	(120.572.560)
Thanh lý	(2.647.944.024)	(7.458.696.423)	(12.711.703.944)	(179.668.092)	-	(22.998.012.483)
Số dư cuối năm	2.236.555.617.582	8.911.158.863.466	225.076.544.655	185.068.145.740	9.972.781.641	11.567.831.953.084
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.370.367.618.572	6.848.002.085.538	213.574.860.702	157.638.046.655	9.125.855.160	8.598.708.466.627
Khấu hao trong năm	88.989.338.240	401.521.829.899	7.676.814.871	9.193.618.775	107.567.083	507.489.168.868
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(8.402.218)	-	(94.200.000)	-	(102.602.218)
Thanh lý	(2.022.835.371)	(7.458.696.423)	(12.711.703.944)	(179.668.092)	-	(22.372.903.830)
Số dư cuối năm	1.457.334.121.441	7.242.056.816.796	208.539.971.629	166.557.797.338	9.233.422.243	9.083.722.129.447
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	838.989.607.329	2.008.961.360.001	22.569.962.697	18.241.003.830	846.926.481	2.889.608.860.338
Số dư cuối năm	779.221.496.141	1.669.102.046.670	16.536.573.026	18.510.348.402	739.359.398	2.484.109.823.637

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 4.250.470 triệu VND (1/1/2024: 4.170.864 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 134.567 triệu VND (1/1/2024: 135.359 triệu VND).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	16.551.477.642
Khấu hao trong năm	5.244.883.824
Số dư cuối năm	21.796.361.466
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	157.031.248.423
Số dư cuối năm	151.786.364.599

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.024.181.907.580	90.425.832.924	104.000.000	1.114.711.740.504
Tăng trong năm	-	1.517.424.028	-	1.517.424.028
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	43.899.175.313	-	43.899.175.313
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	13.811.760.000	-	-	13.811.760.000
Xóa sổ	-	(106.100.000)	-	(106.100.000)
Số dư cuối năm	1.037.993.667.580	135.736.332.265	104.000.000	1.173.833.999.845
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	110.579.498.544	80.944.231.106	104.000.000	191.627.729.650
Khấu hao trong năm	7.056.385.510	17.716.592.469	-	24.772.977.979
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	181.733.681	-	-	181.733.681
Xóa sổ	-	(106.100.000)	-	(106.100.000)
Số dư cuối năm	117.817.617.735	98.554.723.575	104.000.000	216.476.341.310
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	913.602.409.036	9.481.601.818	-	923.084.010.854
Số dư cuối năm	920.176.049.845	37.181.608.690	-	957.357.658.535

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá là 78.390 triệu VND (1/1/2024: 77.771 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 304 triệu VND (1/1/2024: 304 triệu VND).

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tập đoàn ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008, và lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tập đoàn đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi nhận tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước vào tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 22(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bộ Công thương và Bộ Tài chính của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã giao cho Tập đoàn quản lý và sử dụng các khu đất này theo kế hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính này, Tập đoàn đã nộp hồ sơ cho các hợp đồng thuê đất hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, các khu đất này đang được sử dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tập đoàn. Đây là quyền sử dụng đất hàng năm với những hạn chế về quyền sở hữu, và không được tự ý chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp hay xây dựng.

Chi tiết quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá trị tạm tính tăng thêm vào ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
2	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
3	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			<hr/>
			735.379.872.700
			<hr/>

Tập đoàn chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong năm, Tập đoàn cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 44.286 triệu VND (2023: 44.857 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

	Bất động sản đầu tư cho thuê		Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	Tổng VND
	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	27.812.438.744	269.774.872.446	13.511.310.895	311.098.622.085
Tăng trong năm	-	616.508.080	-	616.508.080
Số dư cuối năm	27.812.438.744	270.391.380.526	13.511.310.895	311.715.130.165
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	10.326.167.134	18.556.790.953	3.150.911.918	32.033.870.005
Khấu hao trong năm	604.618.236	10.771.977.848	-	11.376.596.084
Số dư cuối năm	10.930.785.370	29.328.768.801	3.150.911.918	43.410.466.089
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	17.486.271.610	251.218.081.493	10.360.398.977	279.064.752.080
Số dư cuối năm	16.881.653.374	241.062.611.725	10.360.398.977	268.304.664.076

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê và các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	143.919.308.285	133.548.179.000
Tăng trong năm	115.955.573.722	198.150.321.945
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(77.761.265.130)	(35.443.822.035)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(43.899.175.313)	(9.848.259.765)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(16.200.420.482)	(8.949.693.943)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(133.537.416.917)
	122.014.021.082	143.919.308.285

Trong năm, không có chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (2023: 6.791 triệu VND).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Dự án san lấp mặt bằng tại Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	43.296.363.636	43.296.363.636
Dự án xây dựng trung tâm thương mại và dịch vụ	14.435.516.699	9.798.307.815
Dự án hệ thống sản xuất bia thử Pilot	12.968.044.000	8.044.000
Dự án Sabeco 4.0	1.447.955.040	37.720.470.291
Các công trình khác	49.866.141.707	53.096.122.543
	122.014.021.082	143.919.308.285

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	76.804.847.180	75.764.978.027
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	56.149.714.585	61.171.007.842
▪ Lãi chưa thực hiện	20%	31.910.006.886	36.318.967.688
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	20%	23.719.463.271	25.404.880.205
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.179.550.222	68.345.726
▪ Các khoản khác	20%	7.743.357.253	7.691.565.034
		198.506.939.397	206.419.744.522
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	48.073.138.905	49.057.251.548
▪ Công cụ và dụng cụ	20%	1.134.882.409	1.735.509.047
		49.208.021.314	50.792.760.595



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	446.313.320.167	340.029.230.853
Công ty Cổ Phần Hanacans	243.322.681.578	190.695.559.901
Các nhà cung cấp khác	1.952.612.115.415	1.945.648.016.084
	2.642.248.117.160	2.476.372.806.838

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	446.313.320.167	340.029.230.853
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	82.283.513.010	22.880.091.999
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	38.664.745.341	42.265.734.352
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	32.278.282.663	16.318.251.791
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	28.388.391.022	9.769.995.674
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	25.647.116.018	20.065.301.363
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	17.212.153.615	14.542.263.749
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	12.857.859.012	23.721.022.787
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	9.374.608.512	13.375.869.188
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	8.136.190.818	9.736.707.168
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	7.998.013.482	11.047.322.230
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	6.500.098.000	7.531.158.800
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	214.356.613.256	193.898.011.154
Bangkok Art Biennale Management Co., Ltd	767.640.000	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	22.110.596	1.013.401.146

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Cần trừ VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	31/12/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	839.019.004.347	9.245.816.134.512	(9.255.422.282.839)	-	-	829.412.856.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	346.989.946.141	1.146.257.135.410	(1.156.741.713.349)	(40.765.796)	1.689.005.823	338.153.608.229
Thuế giá trị gia tăng	145.251.797.016	15.506.689.278.265	(1.974.043.523.030)	(13.544.739.652.008)	146.392.491	133.304.292.734
Thuế thu nhập cá nhân	13.497.796.682	101.907.643.934	(106.627.759.047)	(728.612.451)	1.640.585.774	9.689.654.892
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.762.452.104	(2.762.452.104)	-	-	-
Các loại thuế khác	13.757.093.648	165.914.802.564	(160.629.324.913)	(8.741.497.188)	-	10.301.074.111
	1.358.515.637.834	26.169.347.446.789	(12.656.227.055.282)	(13.554.250.527.443)	3.475.984.088	1.320.861.485.986

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2024 VND	Cán trừ VND	Phân loại lại từ thuế phải nộp VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.213.599	(40.765.796)	1.689.005.823	1.847.453.626
Thuế thu nhập cá nhân	809.334.853	(728.612.451)	1.640.585.774	1.721.308.176
Thuế giá trị gia tăng	-	-	146.392.491	146.392.491
Thuế xuất nhập khẩu	2.082.000	-	-	2.082.000
Các loại thuế khác	13.227.311.228	(8.741.497.188)	-	4.485.814.040
	<u>14.237.941.680</u>	<u>(9.510.875.435)</u>	<u>3.475.984.088</u>	<u>8.203.050.333</u>

21. Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	404.286.484.543	378.785.149.667
Chi phí lãi vay	12.775.862.138	12.972.502.687
Chi phí phải trả khác	98.795.122.796	94.419.762.414
	<u>515.857.469.477</u>	<u>486.177.414.768</u>

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	2.607.902.085.746	1.976.916.845.051
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Nhận ký quỹ ngắn hạn	105.221.809.536	110.819.225.846
Phải trả ngắn hạn khác	61.190.236.140	75.580.155.050
	<u>3.509.694.004.122</u>	<u>2.898.696.098.647</u>

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa, gồm các đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 15).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Các công ty mẹ cấp trung gian</i>		
Thai Beverage Public Company Limited	1.038.781.316	1.267.545.263
BeerCo Limited	9.030.113.282	12.133.885.468
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	1.374.570.348.000	1.030.927.761.000
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và		
Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	287.780.949	287.780.949
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	6.284.198	5.977.173
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	40.000	-
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Chang International Co., Ltd	1.583.961.112	800.960.616
Thipchalothorn Co., Ltd	34.186.050	32.597.100
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	31.669.044	-

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 12(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	5.511.044.289	4.122.753.062
	57.113.360.289	55.725.069.062

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2024	Biến động trong năm		31/12/2024
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	528.900.000.000	2.934.074.426.368	(3.218.974.426.368)	244.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (23(b)))	1.229.396.183	16.256.118.387	(16.101.530.821)	1.383.983.749
	530.129.396.183	2.950.330.544.755	(3.235.075.957.189)	245.383.983.749

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo	Loại tiền tệ	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	120.000.000.000	120.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	69.000.000.000	116.500.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	55.000.000.000	198.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	VND	-	47.600.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh	VND	-	29.800.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	-	17.000.000.000
		244.000.000.000	528.900.000.000

Các khoản vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất từ 3,00% đến 3,60% một năm (1/1/2024: từ 2,80% đến 3,50% một năm).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Nợ thuê tài chính

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Nợ thuê tài chính dài hạn	170.828.414.155	172.057.810.338
Khoản đến hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(1.383.983.749)	(1.229.396.183)
	169.444.430.406	170.828.414.155

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024			1/1/2024		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	16.101.530.819	14.717.547.070	1.383.983.749	16.101.530.820	14.872.134.637	1.229.396.183
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	57.553.643.777	6.852.479.503	64.406.123.280	58.119.444.837	6.286.678.443
Sau năm năm	386.436.739.680	223.844.788.777	162.591.950.903	402.538.270.500	237.996.534.788	164.541.735.712
	466.944.393.779	296.115.979.624	170.828.414.155	483.045.924.600	310.988.114.262	172.057.810.338

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	194.370.495.724	222.390.315.200
Trích lập trong năm (Thuyết minh 26)	125.583.999.993	116.321.315.199
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	(4.711.433.451)	26.095.230.321
Sử dụng trong năm	(115.823.577.852)	(170.436.364.996)
Số dư cuối năm	199.419.484.414	194.370.495.724

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	69.412.250.830	73.894.862.951
Dự phòng trích lập trong năm	12.766.342.482	7.205.619.112
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(4.244.186.484)	(4.695.960.569)
Dự phòng sử dụng trong năm	(8.627.568.658)	(6.992.270.664)
Số dư cuối năm	69.306.838.170	69.412.250.830

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	6.412.811.860.000	3.208.666.226	37.136.373.047	1.122.241.373.127	15.564.895.669.872	23.140.293.942.272	1.450.551.977.121	24.590.845.919.393
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.117.605.068.688	4.117.605.068.688	137.447.927.021	4.255.052.995.709
Cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 29)	6.412.811.860.000	-	-	-	(6.412.811.860.000)	-	-	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(2.885.765.337.000)	(2.885.765.337.000)	(151.819.075.102)	(3.037.584.412.102)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(100.704.276.928)	(100.704.276.928)	(15.617.038.271)	(116.321.315.199)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(22.402.818.968)	(22.402.818.968)	(790.976.515)	(23.193.795.483)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(22.040.207.391)	(22.040.207.391)	(4.055.022.930)	(26.095.230.321)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	157.659.392	157.659.392	132.394.526	290.053.918
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	-	-	6.817.828.252	-	-	6.817.828.252	-	6.817.828.252
Thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	(21.649.847.484)	(21.649.847.484)	(143.004.301.816)	(164.654.149.300)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.825.623.720.000	3.208.666.226	43.954.201.299	1.122.241.373.127	10.217.284.050.181	24.212.312.010.833	1.272.845.884.034	25.485.157.894.867



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	12.825.623.720.000	3.208.666.226	43.954.201.299	1.122.241.373.127	10.217.284.050.181	24.212.312.010.833	1.272.845.884.034	25.485.157.894.867
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.330.113.031.371	4.330.113.031.371	164.660.395.541	4.494.773.426.912
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(5.130.249.488.000)	(5.130.249.488.000)	(159.285.980.659)	(5.289.535.468.659)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(109.732.047.438)	(109.732.047.438)	(15.851.952.555)	(125.583.999.993)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(23.885.369.694)	(23.885.369.694)	(745.109.336)	(24.630.479.030)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	2.932.077.906	2.932.077.906	1.779.355.545	4.711.433.451
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(240.157.577)	(240.157.577)	(56.214.071)	(296.371.648)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	-	-	9.822.165.127	-	-	9.822.165.127	-	9.822.165.127
Thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 5)	-	-	-	59.468.487.946	(68.420.775.303)	(8.952.287.357)	(108.373.130.998)	(117.325.418.355)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	12.825.623.720.000	3.208.666.226	53.776.366.426	1.181.709.861.073	9.217.801.321.446	23.282.119.935.171	1.154.973.247.501	24.437.093.182.672

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Biến động của quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.122.241.373.127	1.122.241.373.127
Thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 26)	59.468.487.946	-
Số dư cuối năm	1.181.709.861.073	1.122.241.373.127

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Cổ tức bằng tiền và cổ phiếu thưởng

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) (2023: 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 30 tháng 10 năm 2024 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) (2023: 1.923.844 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 22 tháng 8 năm 2023 đã thông qua việc tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tỷ lệ phát hành là 1:1 và số lượng cổ phiếu mới phát hành là 641.281.186 có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

30. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	136.065.200.102	253.934.913.246
Từ hai đến năm năm	247.619.573.959	298.147.891.422
Sau năm năm	499.977.886.856	440.669.147.610
	883.662.660.917	992.751.952.278

(b) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2024	1/1/2024
Bia	thùng/két	3.887.029	3.660.033
Nước giải khát	thùng/két	28.511	21.318
Két nhựa	cái	39.368	107.379
		3.954.908	3.788.730

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	355.211	8.966.469.460	522.215	12.578.215.875
EUR	2.636	68.742.367	4.359	115.189.513
AUD	828	12.967.082	828	13.576.957
		9.048.178.909		12.706.982.345

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	69.001.220.881	89.469.062.639

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024	2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán bia	28.082.589.321.456	26.923.335.647.669
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	3.714.838.670.490	3.419.079.837.272
▪ Doanh thu bán nước giải khát	162.850.947.207	121.969.337.649
▪ Doanh thu bán cồn và rượu	42.156.534.202	51.639.844.884
▪ Doanh thu khác	161.824.780.719	190.735.423.215
	32.164.260.254.074	30.706.760.090.689
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	291.754.899.775	234.124.908.263
▪ Hàng bán bị trả lại	87.867.643	11.267.900.211
	291.842.767.418	245.392.808.474
Doanh thu thuần	31.872.417.486.656	30.461.367.282.215

32. Giá vốn hàng bán

	2024	2023
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp:		
▪ Giá vốn bia đã bán	18.673.205.077.571	17.755.201.404.635
▪ Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	3.700.008.042.753	3.423.775.394.518
▪ Giá vốn nước giải khát đã bán	117.183.151.337	93.978.648.486
▪ Giá vốn cồn và rượu đã bán	37.526.992.764	49.883.352.225
▪ Giá vốn khác	26.297.653.965	47.165.978.116
	22.554.220.918.390	21.370.004.777.980

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024	2023
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	1.044.633.245.132	1.389.919.841.268
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.887.681.059	41.183.584.850
Thu nhập từ cổ tức và phân phối lợi nhuận	3.553.644.800	1.456.542.000
Doanh thu khác	3.600.500	8.552.236
	1.067.078.171.491	1.432.568.520.354

34. Chi phí tài chính

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.449.548.631	50.214.725.919
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.572.494.847	16.862.534.322
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(14.234.080.464)	6.196.990.405
Chi phí tài chính khác	-	159.432.035
	24.787.963.014	73.433.682.681

35. Chi phí bán hàng

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.509.114.010.838	2.813.915.372.738
Chi phí nhân viên	860.492.804.481	1.002.362.614.119
Chi phí vận chuyển	139.247.221.488	78.831.229.420
Chi phí thuê	114.007.969.588	175.747.335.919
Chi phí bao bì luân chuyển	58.637.724.271	49.653.453.731
Chi phí khấu hao và phân bổ	39.625.390.197	29.494.593.306
Chi phí bán hàng khác	320.431.386.974	329.223.240.348
	4.041.556.507.837	4.479.227.839.581

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	457.960.686.714	474.323.461.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.318.004.698	129.838.562.190
Chi phí thuê	75.762.090.573	71.294.599.828
Chi phí khấu hao và phân bổ	25.161.205.951	24.962.456.814
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	133.211.849.660	100.272.540.091
	<hr/>	<hr/>
	839.413.837.596	800.691.619.935
	<hr/>	<hr/>

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	7.849.174.906.031	7.257.576.280.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.878.645.958.871	4.200.413.292.415
Chi phí nhân công và nhân viên	1.717.796.120.922	1.885.467.873.714
Chi phí khấu hao và phân bổ	548.883.626.755	570.032.022.357
Chi phí khác	675.003.471.040	619.071.592.457
	<hr/>	<hr/>

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	1.139.463.131.404	1.086.023.220.161
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.794.004.006	13.059.591.812
	<hr/>	<hr/>
	1.146.257.135.410	1.099.082.811.973
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	6.328.065.844	16.274.596.613
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	1.152.585.201.254	1.115.357.408.586
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024	2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.647.358.628.166	5.370.410.404.295
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	1.129.471.725.633	1.074.082.080.859
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với một công ty con	(7.119.157.990)	(6.126.525.328)
Ưu đãi thuế	(3.006.126.527)	(2.278.033.847)
Thu nhập được miễn thuế	(40.199.680.291)	(46.702.087.331)
Chi phí không được khấu trừ thuế	60.771.726.858	40.380.077.482
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	7.832.652.856	37.793.687.280
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.794.004.006	13.059.591.812
Các khoản khác	(1.959.943.291)	5.148.617.659
	1.152.585.201.254	1.115.357.408.586

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu kể từ năm hoạt động đầu tiên (2014) và áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trong các năm tiếp theo. Đồng thời, công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	4.330.113.031.371	4.117.605.068.688
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(109.732.047.438)	(97.772.199.022)
	4.220.380.983.933	4.019.832.869.666

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong hai năm được trình bày là 1.282.562.372 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại) (*)	2023 VND (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.291	3.134	3.132

(*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi như đề cập ở trên.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Các công ty mẹ cấp trung gian		
Thai Beverage Public Company Limited		
Chi hệ Tập đoàn	257.060.584	1.267.545.263
BeerCo Limited		
Chi hệ Tập đoàn	19.318.898.028	16.590.451.838
Giao dịch khác	-	111.744.000
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức công bố	2.749.140.696.000	1.546.391.641.500
Bán hàng hóa	2.643.800	-
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	701.599.577.473	662.728.097.085
Bán thành phẩm	763.636	-
Doanh thu khác	6.401.147.125	5.877.793.254
Mua hàng hóa	1.805.890.146.330	1.756.634.387.300
Mua vật liệu bao bì	-	3.847.827.825
Chi phí thuê kho	1.049.979.519	170.182.007
Cổ tức công bố	2.333.334.000	-
Thu nhập từ cổ tức	21.932.751.464	9.706.300.732
Giao dịch khác	352.390.773	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	400.054.343.224	344.450.537.598
Bán thành phẩm	73.118.058	-
Doanh thu khác	8.843.090.870	1.158.833.000
Mua hàng hóa	1.026.111.425.170	1.073.382.319.260
Mua nguyên vật liệu	23.217.413.655	1.228.498.719
Mua dịch vụ	200.000	100.000.000
Chi phí thuê kho	1.202.470.482	743.291.259
Thu nhập từ cổ tức	48.535.035.000	43.527.333.500
Giao dịch khác	259.808.091	180.821.456

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	391.491.843.422	330.086.946.844
Bán thành phẩm	168.495.000	74.214.000
Doanh thu khác	486.180.000	354.810.000
Mua hàng hóa	1.010.309.483.610	915.125.207.400
Mua vật liệu bao bì	5.440.861.922	-
Chi phí thuê kho	1.072.126.264	-
Phí thuê xe	-	120.920.578
Thu nhập từ cổ tức	-	1.000.000.000
Giao dịch khác	121.185.180	189.150.369
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	380.582.640.117	342.787.576.481
Bán thành phẩm	188.706.500	129.486.611
Doanh thu khác	524.940.000	-
Mua hàng hóa	994.536.815.360	849.780.900.170
Mua vật liệu bao bì	-	554.592.332
Chi phí thuê kho	23.064.000	-
Thu nhập từ cổ tức	1.500.000.000	4.500.000.000
Giao dịch khác	132.391.983	110.277.456
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	314.544.631.640	295.466.785.546
Mua hàng hóa	778.843.862.900	778.055.911.200
Mua nguyên vật liệu	2.175.000	687.869.923
Giao dịch khác	117.259.065	93.981.918
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	242.421.004.559	325.563.423.603
Doanh thu khác	-	32.791.500
Mua hàng hóa	681.604.960.930	879.507.165.000
Mua nguyên vật liệu	1.913.695.691	4.895.240
Chi phí thuê kho	269.178.446	-
Giao dịch khác	132.447.525	180.400.179
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	241.704.198.555	214.729.785.873
Bán thành phẩm	430.340.070	498.687.960
Doanh thu khác	537.296.603	377.419.468
Mua hàng hóa	620.995.469.030	596.434.545.450
Mua vật liệu bao bì	-	2.871.946.875
Chi phí thuê kho	1.012.985.625	200.920.046
Thu nhập từ cổ tức	1.105.000.000	6.983.307.000
Giao dịch khác	77.685.348	111.326.484

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	212.505.198.808	165.114.725.959
Bán thành phẩm	-	7.173.000
Doanh thu khác	-	421.672.000
Mua hàng hóa	542.111.649.150	488.674.820.020
Mua vật liệu bao bì	38.118.000	-
Thu nhập từ cổ tức	4.231.800.000	2.115.900.000
Giao dịch khác	61.723.350	135.876.714
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	56.053.841.204	49.348.198.953
Bán thành phẩm	79.420.800	168.625.500
Doanh thu khác	1.973.280.711	665.243.578
Mua hàng hóa	267.880.398.900	276.598.490.120
Mua nguyên vật liệu	-	545.913.300
Chi phí thuê kho	1.690.896.957	110.918.843
Thu nhập từ cổ tức	1.201.200.000	2.402.400.000
Giao dịch khác	-	1.474.433.333
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Bán thành phẩm	72.219.600	16.546.000
Mua vật liệu bao bì	59.687.956.240	73.230.314.000
Lợi nhuận được chia	8.789.550.000	-
Giao dịch khác	-	44.123.416
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh		
Bán thành phẩm	34.227.371	34.374.535
Mua dịch vụ	5.844.832.828	8.039.704.613
Lợi nhuận được chia	44.242.171.746	43.802.647.026
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	1.929.199.671.882	2.209.415.318.856
Giao dịch khác	2.153.559.467	5.772.116.931
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Bán thành phẩm	-	530.656.425
Bán hàng hóa khác	-	1.744.439.225
Mua vật liệu bao bì	18.412.906.636	67.252.307.280
Lợi nhuận được chia	-	64.200.000.000
Giao dịch khác	34.840.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam		
Lợi nhuận được chia	-	18.279.859.500



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Bán thành phẩm	311.813.515.625	178.882.188.065
Mua hàng hóa	4.556.452.054	1.063.451.283
Chi hộ Tập đoàn	41.785.806	42.486.605
Giao dịch khác	12.017.714.696	3.752.523.258
S.A.S. CTAMAD Co., Ltd		
Bán thành phẩm	430.423.950	304.656.260
Chi hộ Tập đoàn	83.079.198	29.249.994
Giao dịch khác	6.546.750	38.732.482
Thipchalothorn Co., Ltd		
Bán thành phẩm	276.592.726	293.015.812
Giao dịch khác	221.039.904	48.988.870
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Bán thành phẩm	136.231.428	110.487.265
Doanh thu khác	1.455.646.229	10.134.638.440
Mua vật liệu bao bì	1.645.191.230.300	1.443.551.707.367
Giao dịch khác	1.412.994.529	173.910.751
Bangkok Art Biennale Management Co., Ltd		
Mua dịch vụ	808.042.105	-
ASM Management Co., Ltd		
Mua dịch vụ	34.900.875	-
F&N Global Marketing Pte. Ltd		
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	223.085.965	867.208.502
Chang International Co., Ltd		
Chi hộ Tập đoàn	853.160.460	800.594.316
Chang Beer Co., Ltd		
Chi hộ Tập đoàn	-	1.082.366.141
C.A.I Co., Ltd		
Mua dịch vụ	-	759.058.000
Fraser & Neave (Malaya) Sdn Bhd		
Mua hàng hóa	-	337.788.216
Dhospaak Co., Ltd		
Mua dịch vụ	-	164.402.411

11/01/2025 12:11

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Lương, thưởng và thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	676.000.000	676.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vỹ – Thành viên	988.000.000	988.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	910.000.000	838.000.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	910.000.000	838.000.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	910.000.000	838.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	910.000.000	838.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	32.377.865.340	31.119.357.392
Ủy ban Kiểm toán		
Thù lao	1.014.000.000	1.014.000.000

41. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2024	2023
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	50.074.326.001	191.066.890.050

42. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Vào ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tổng Công ty đã mua thêm 37.814.900 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (Thuyết minh 9(a)), do đó tăng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tổng Công ty như sau:

	3/1/2025		31/12/2024	
	%	% quyền	%	% quyền
	sở hữu	biểu quyết	sở hữu	biểu quyết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	65,00%	65,38%	21,80%	22,18%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

43. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 39, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

